

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **132/2020/DS-PT**

Ngày: 20-8-2020

*V/v tranh chấp về thừa kế tài sản*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Trung Hưng

*Các Thẩm phán:* Ông Lê Văn Quý;

Bà Đinh Thị Kiều Lương.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đinh Trần Ngọc Phương Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai:** ông Phùng Đức Nam - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 20 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 106/2020/TLPT-DS ngày 30 tháng 3 năm 2020 về: “*Tranh chấp về thừa kế tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 32/2019/DS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 154/2020/QĐ-PT ngày 30 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa dân sự phúc thẩm số 241/2020/QĐ-PT ngày 30 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Vũ Thị P, sinh năm 1965.

Địa chỉ: số 269, đường T, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu – có mặt.

2. Bị đơn:

- Ông Vũ Văn C, sinh năm 1957.

- Anh Vũ Minh P, sinh năm 1981.

Cùng địa chỉ: ấp S, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai – có mặt.

- Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho anh Vũ Minh P: ông Phạm Thế M – Luật sư thuộc chi nhánh Văn phòng luật sư N, Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Nai – có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Vũ Thị Q, sinh năm 1950; Địa chỉ: ấp S, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai – có mặt.

- Bà Vũ Thị U, sinh năm 1958; Địa chỉ: ấp S, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai – có mặt.

- Bà Đinh Thị V, sinh năm 1955; Địa chỉ: số A, khu phố 3, phường T, thành phố H, tỉnh Đồng Nai – vắng mặt.

- Chị Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm 1985; Địa chỉ: ấp S, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai – có mặt.

- Anh Vũ Minh H, sinh năm 1983; Địa chỉ: ấp S, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai – vắng mặt.

- Chị An Thị Ái V1, sinh năm 1986; Địa chỉ: ấp S, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai – vắng mặt.

- Chị Vũ Thị Thùy T1, sinh năm 1979; Địa chỉ: ấp S, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai – vắng mặt.

- Ông Nguyễn Quốc V, sinh năm 1961; Địa chỉ: ấp S, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai – vắng mặt.

- Bà Trần Thị P1, sinh năm 1962; Địa chỉ: ấp S, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai – vắng mặt.

- Ông Đặng Quốc P1, sinh năm 1974; Địa chỉ: ấp S, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai – vắng mặt.

- Ông Nguyễn Đức A, sinh năm 1958; Địa chỉ: ấp S, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai – vắng mặt.

- Bà Trần Thị Nhung Y, sinh năm 1967; Địa chỉ: ấp S, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai – vắng mặt.

- Ông Vũ Văn T, sinh năm 1946 (đã chết)

Người thừa kế quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông T:

+ Ông Vũ Thanh S, sinh năm 1974; Địa chỉ: ấp H, xã L, huyện C, tỉnh Đồng Nai – vắng mặt.

+ Ông Vũ Thanh T1, sinh năm 1976; Địa chỉ: ấp H, xã L, huyện C, tỉnh Đồng Nai – vắng mặt.

+ Bà Vũ Thị Mỹ D, sinh năm 1979; Địa chỉ: ấp H, xã L, huyện C, tỉnh Đồng Nai – vắng mặt.

+ Ông Vũ Văn T2, sinh năm 1982; Địa chỉ: ấp H, xã L, huyện C, tỉnh Đồng Nai – vắng mặt.

+ Ông Vũ Thanh Đ, sinh năm 1984; Địa chỉ: ấp H, xã L, huyện C, tỉnh Đồng Nai – vắng mặt.

+ Ông Vũ Thanh T3, sinh năm 1986; Địa chỉ: ấp H, xã L, huyện C, tỉnh

Đồng Nai – vắng mặt.

Người kháng cáo: bà Vũ Thị P.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo nội dung án sơ thẩm:

*\* Theo đơn khởi kiện được lập ngày 24/12/2015, các bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Vũ Thị P trình bày:* Cha bà tên Vũ Văn T4, mất năm 1971 (không có giấy chứng tử), mẹ bà tên Nguyễn Thị S, mất năm 2015. Cha mẹ bà có 06 người con gồm: Vũ Văn T sinh năm 1946, Vũ Thị Q sinh năm 1950, Vũ Văn C sinh năm 1957, Vũ Thị U sinh năm 1958, Vũ Văn P2 sinh năm 1961 (mất năm 1985 không có vợ con) và bà là Vũ Thị P sinh năm 1965.

Cha mẹ bà làm công nhân đồn điền cao su thời Pháp nên được cấp diện tích đất và một căn nhà do Pháp xây dựng để ở (không nhớ năm nào). Cho đến khi giải phóng đến Nông trường Cẩm Mỹ tiếp quản thì gia đình bà có người anh tên P2 làm công nhân Nông trường nên Nông trường vẫn tiếp tục cho ở trên căn nhà và diện tích đất trên. Lúc này các anh chị khác đã có gia đình ở riêng, chỉ còn bà và ông P2 vẫn ở chung với mẹ trên căn nhà đó. Đến năm 1985, ông P2 mất thì bà vẫn làm công nhân nông trường nên được tiếp tục ở trong căn nhà trên. Cho đến năm 1989 thì bà không còn làm công nhân nông trường nữa và mẹ bà với bà vẫn ở trên căn nhà này, bà cũng không nghe bên Nông trường nói phải làm công nhân thì mới được ở trên căn nhà này.

Sau khi ông P2 mất, khoảng 4 năm sau thì ông C và vợ ly hôn với nhau (vợ chồng ông C làm công nhân nên cũng được Nông trường cấp nhà ở ấp S), sau khi ly hôn thì ông C để căn nhà trên cho vợ ở và ông C quay về ở cùng bà và mẹ bà. Bản thân bà đi làm nhưng vẫn thường xuyên về nhà ở cùng mẹ. Đến năm 2013, mẹ bà muốn cho bà  $\frac{1}{2}$  căn nhà để làm chỗ ở nên có lên xã đề nghị làm văn bản nhưng sau đó ông C không đồng ý nên không làm được. Năm 2015 mẹ bà mất, vì không thương lượng được với ông C việc chia căn nhà và đất nên bà đã khởi kiện, từ đó bà không còn ở trong căn nhà này nữa mà đi mượn nhà ở ngoài để ở. Phần căn nhà chính phía trước là từ thời Pháp làm và được cấp cho gia đình ở. Còn căn nhà tạm phía sau là do ông C làm sau này.

Diện tích đất do cha mẹ bà để lại thuộc thửa 196, 226, 227 tờ bản đồ 36 tại xã X, huyện C. Năm 2006, ông C có bán một phần diện tích đất cho ông V (thuộc thửa 227, tờ bản đồ 36).

Nay diện tích đất hiện còn là thửa đất số 196, 226, tờ bản đồ 36 là di sản do cha mẹ bà tạo lập để lại nên bà yêu cầu chia cho bà phần diện tích đất theo bản đồ vẽ hiện trạng khu đất ngày 24/8/2016 có diện tích là 81,8m<sup>2</sup> (xác định bởi các mốc 4,5,9,10,11,4) và một phần căn nhà trên đất. Vì phần căn nhà bà yêu cầu chia có một phần căn nhà tạm do ông C làm nên bà đồng ý trả lại giá trị phần căn nhà tạm này theo Biên bản định giá tài sản ngày 01/6/2017 có giá là 8.016.442 đồng.

*\* Bị đơn ông Vũ Văn C trình bày:* Ông thống nhất tên cha mẹ, thời gian cha mẹ và người em tên P2 mất, những người anh chị em của ông như lời trình bày

của bà P.

Còn về tài sản bà P tranh chấp thì nguồn gốc như sau: năm 1966 cha mẹ ông làm công nhân đồn điền cao su thời Pháp nên mới được cấp một căn nhà và đất để ở (hiện đất này thuộc các thửa 196, 226, 227 tờ bản đồ 36 tại X). Cho đến khi giải phóng thì Nhà nước ta tiếp quản và Nông trường có quy định ai làm công nhân nông trường mới được giao nhà để ở, do không có nhà ở nên Nông trường đã quy định một căn nhà sẽ giao cho hai gia đình cùng ở, mỗi gia đình là  $\frac{1}{2}$  căn. Lúc này ông vẫn đang ở trên đất và làm công nhân nên Nông trường mới giao  $\frac{1}{2}$  căn nhà đó cho ông và  $\frac{1}{2}$  căn còn lại Nông trường giao cho bà Vũ Thị U vì bà U lúc này đã có chồng và đang làm công nhân. Đến năm 1979 ông lấy vợ và có làm đơn xin Nông trường cấp nhà, đến năm 1980 ông và vợ cũ (Trần Thị G) được cấp  $\frac{1}{2}$  căn nhà ở đường số 4 và giao  $\frac{1}{2}$  phần căn nhà ở cùng mẹ cho người em là Vũ Văn P2 đứng tên. Cho đến năm 1988, vì em ông là P2 đã mất và bà Vũ Thị P nghỉ làm công nhân nên ông sợ phần căn nhà mẹ đang ở bị lấy lại và cũng vì lúc này vợ chồng ông đã ly hôn, nên ông đã làm đơn trả lại  $\frac{1}{2}$  căn nhà ở đường số 4 để xin Nông trường về ở lại căn nhà của mẹ ông đang ở. Nên Nông trường đã lấy lại  $\frac{1}{2}$  căn nhà ở đường số 4 và đồng ý cho ông đứng tên  $\frac{1}{2}$  căn nhà mà mẹ ông đang ở. Đến năm 1992, bà U nghỉ công nhân nên Nông trường đề nghị lấy  $\frac{1}{2}$  căn nhà mà bà đang ở (tức là căn nhà mà cha mẹ ở từ trước) thì ông có làm đơn đề nghị Nông trường cho ông sử dụng  $\frac{1}{2}$  căn nhà này. Lúc này do bà U có đào một cái giếng trên đất nên Nông trường có đề nghị ông phải trả lại giá trị tài sản mà bà U đã tạo lập trên đất, nên 2 bên thỏa thuận ông sẽ trả cho bà U 0,5 chỉ vàng và ông đã giao vàng cho bà U tại Văn phòng của Nông trường, từ đó ông được ở trên căn nhà và diện tích đất này.

Căn nhà chính là do Pháp xây dựng, do căn nhà xuống cấp thì ông có đề nghị Nông trường sửa nhà. Tháng 6/1998, Nông trường có xuống sửa chữa căn nhà trên, ông có có đề nghị nâng cao căn nhà lên cao 5 viên gạch và ông chịu tiền phần gạch từ đó đến nay không tạo lập gì căn nhà chính này. Còn căn nhà tạm phía sau là do ông xây dựng năm 2014.

Ông sử dụng căn nhà này đến năm 1999 thì ông nghỉ công nhân do bị bệnh, con ông là Vũ Minh P đi làm công nhân nông trường nên đã thay thế tên ông được sử dụng căn nhà và để đóng tiền thuê nhà cho đến nay. Còn bà P ở trong nhà cùng mẹ và ông đến 1989 bà P đi lấy chồng ở Bà Rịa Vũng Tàu, tuy nhiên vẫn về nhà thăm mẹ.

Nay đất đứng tên kê khai là con ông tên Vũ Minh P nên yêu cầu của bà P buộc ông giao đất và nhà như trên là ông không đồng ý. Mọi quyền quyết định sẽ do anh P quyết, ông không có ý kiến.

*\* Tại các bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn là ông Vũ Minh P trình bày: ông thống nhất lời trình bày của cha là ông C. Diện tích đất thửa 196, 226 và 227, tờ bản đồ 36 tại xã X do ông đứng tên để đóng tiền thuê nhà đất cho Nông trường hàng tháng, năm 2006 đã bán thửa 227 cho ông V. Nên nay còn lại thửa 196, 226 là do ông đang đứng kê khai để được cấp giấy Chứng nhận*

QSD đất, nhưng hiện đất vẫn chưa được cấp giấy chứng nhận QSD đất do tranh chấp. Đất này được Nông trường hóa giá bán 2005 và ông là người đứng ra đóng tiền để được hóa giá nhà.

Nay bà P yêu cầu chia phần đất và căn nhà như trên, ông không đồng ý, vì đất và nhà do Nông trường cấp cho ông nên thuộc quyền sở hữu của ông.

*\* Tại Biên bản lấy lời khai ngày 29/3/2016 của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Vũ Văn T (đã chết) trình bày:* Ông là anh ruột của ông Vũ Văn C và bà Vũ Thị P. Cha ông tên Vũ Văn T4, mất năm 1971, mẹ tên Nguyễn Thị S, mất năm 2015, cha mẹ có 6 người con là ông và Vũ Thị Q, Vũ Văn C, Vũ Thị U, Vũ Văn P2 – 1961 (mất năm 1985 không có vợ con) và Vũ Thị P. Ông thống nhất lời trình bày của bà P về nguồn gốc đất hai bên đang tranh chấp là của cha mẹ ông khi làm công nhân đồn điền được cấp ở, cho đến mãi sau này thì các anh em có gia đình ở riêng, còn mẹ ông và bà P ở trên đất, năm 1989 ông C dọn về ở chung trên đất và đến bây giờ đã xảy ra tranh chấp.

Nay bà P yêu cầu chia một phần tài sản trên là di sản của cha mẹ ông để lại thì ông không có ý kiến gì, cũng không có yêu cầu chia phần di sản này.

*\* Tại biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Vũ Thị U trình bày:* Bà thống nhất lời trình bày của bà P về nguồn gốc đất. Tuy nhiên bà cũng trình bày thêm là sau khi giải phóng Nông trường cho công nhân ở ghép vì không có nhà ở, nên căn nhà cha mẹ bà được ở hồi giờ thì giao cho bà ½ căn vì bà có chồng và bản thân bà cũng làm công nhân, còn ½ căn là của mẹ và hai em là P2 và P ở đến năm 1988 ông C ly hôn cũng đem con về ở đó. Cho đến năm 1995 thì bà không làm công nhân nữa nên làm đơn giao lại nhà cho Nông trường và lúc này Nông trường không còn cho ở ghép nữa mà giao luôn ½ căn nhà trên cho mẹ bà, cùng anh em bà ở. Do phần đất bà ở có đào một cái giếng nên bà có nói gia đình là hỗ trợ tiền cho bà để bà về chỗ mới đào giếng thì chính bà P là người đưa cho ông C 0,5 chỉ vàng để ông C đưa cho bà.

Theo bà, đây là tài sản do cha mẹ để lại, hiện bà có nhà cửa ổn định nên không tranh chấp gì đối với tài sản này, còn bà P không có nhà cửa nên có yêu cầu chia đất như trên, đề nghị Tòa án giải quyết chấp nhận yêu cầu của bà P.

*\* Tại biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Vũ Thị Q trình bày:* Bà thống nhất lời trình bày của bà P về nguồn gốc đất. Hiện bà cũng không có tranh chấp gì đối với tài sản trên nhưng đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà P.

*\* Tại biên bản lấy lời khai ngày 29/6/2016 và biên bản hòa giải, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Quốc V trình bày:* Năm 2006, ông có mua diện tích đất 154m<sup>2</sup> của ông P và ông C, hiện diện tích đất trên thuộc thửa 227, tờ bản đồ 36 tại xã X với giá 100.000.000 đồng. Hiện đất này không ai tranh chấp với ông, nên ông cũng không có ý kiến gì trong vụ án. Đất của ông có ranh giới rõ ràng với thửa đất 226 của ông P nên ông không có ý kiến gì thêm.

*\* Tại phiên tòa sơ thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trần*

*Thị P1 trình bày:* Bà là vợ ông Nguyễn Quốc V, bà thống nhất toàn bộ lời trình bày của chồng bà, năm 2006 vợ chồng bà có mua diện tích đất 154m<sup>2</sup>, thuộc thửa 227, tờ bản đồ 36, xã X của ông C và anh P. Sau khi mua vợ chồng bà đã xây nhà và có làm hàng rào, ranh giới ổn định cho đến nay, hiện đất này không có ai tranh chấp nên bà không có ý kiến gì trong vụ án này.

*\* Tại bản tự khai do người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Vũ Thanh Đ trình bày:* ông xin được vắng mặt trong vụ án này vì không tranh chấp tài sản và không liên quan đến vụ án.

*\* Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Hồng T trình bày:* bà là vợ ông Vũ Minh P, tài sản bà P tranh chấp là tài sản riêng của ông P có được trước khi kết hôn với bà nên bà không có ý kiến hay tranh chấp gì đối với các thửa đất và tài sản trên đất.

*\* Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Vũ Minh H và bà An Thị Ái V1 trình bày:* ông H là con ruột ông C và là em ruột của ông P, bà V1 là vợ ông H. Ông bà hiện đang ở cùng với ông C trên căn nhà và đất đang tranh chấp. Ông bà cho rằng diện tích đất hiện bà P tranh chấp là của ông Vũ Minh P nên mọi quyền quyết định là của ông P, ông bà không có ý kiến và cũng không tranh chấp gì đối với tài sản này.

*\* Những người có quyền, nghĩa vụ liên quan là bà Đinh Thị V, bà Vũ Thị Thùy T1, ông Nguyễn Đức A, bà Trần Thị Nhung Y; người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của người có quyền, nghĩa vụ liên quan ông Vũ Văn T gồm ông Vũ Thanh S, ông Vũ Thanh T1, bà Vũ Thị Mỹ D, ông Vũ Văn T2, ông Vũ Thanh T3 đã được tòa án triệu tập để làm việc nhưng vẫn không có mặt, nên không có lời khai.*

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 32/2019/DS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ đã căn cứ khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 634 của Bộ luật dân sự 2005; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là Vũ Thị P tranh chấp về thừa kế tài sản với ông Vũ Văn C và ông Vũ Minh P. Về án phí buộc bà P nộp số tiền 2.871.600 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ngoài ra bản án còn tuyên về nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 10/12/2019, nguyên đơn bà Vũ Thị P kháng cáo, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử lại với lý do không đồng ý kết quả giải quyết tại bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Vũ Thị P giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, đề nghị Tòa án sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà P.

*Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Vũ Minh*

P: Theo các chứng cứ thu thập được thì tài sản tranh chấp trước đây của Công ty cao su chỉ tạm giao cho gia đình có người làm công nhân của Nông trường, không có văn bản giấy tờ nào chứng minh cha mẹ bà P được giao toàn quyền sử dụng tài sản tranh chấp. Theo quy định vào năm 2006, công nhân đang thuê nhà đất thì mới được cho hóa giá nhà đang thuê, phải đóng một khoản tiền cho Công ty Cao su. Thời điểm này ông P là người thuê nhà đã đăng ký mua hóa giá nhà theo quy định nên tài sản bà P tranh chấp không phải là di sản thừa kế của cha mẹ bà P mà là của ông P. Đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà P.

*\* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai:*

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử tại phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa và Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật. Các đương sự tham gia phiên tòa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định.

Về việc giải quyết vụ án: không có chứng cứ chứng minh tài sản tranh chấp là di sản do cha mẹ bà P để lại, kháng cáo của bà P là không có căn cứ, đề nghị không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm về đường lối giải quyết vụ án. Về án phí, theo quy định tại điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì trường hợp Tòa án xác định di sản thừa kế mà đương sự yêu cầu chia không phải là tài sản của họ thì đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch. Việc cấp sơ thẩm tuyên buộc bà P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là không đúng quy định, đề nghị sửa bản án sơ thẩm về án phí.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp và người tham gia tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xác định chính xác và đầy đủ.

[1.2] Nguyên đơn bà Vũ Thị P gửi đơn kháng cáo và đóng tạm ứng án phí trong thời hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1.3] Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét kháng cáo của bà Vũ Thị P nhận thấy:

[2.1] Theo các biên bản xác minh ngày 28/6/2016 của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ tại Nông trường Cẩm Mỹ và văn bản số 180/TL-CM ngày 04/9/2019 của Nông trường Cẩm Mỹ xác định thì tài sản tranh chấp là thửa đất số

286, tờ bản đồ số 05 xã X, huyện C nay là các thửa 196, 226, 227, tờ bản đồ 36 xã X cùng căn nhà chính trên đất được xây dựng từ thời Pháp thuộc. Sau giải phóng Nông trường cao su Cẩm Mỹ thành lập và được Nhà nước giao quản lý, có chủ trương giao đất cho các gia đình của công nhân làm việc tại Nông trường để ổn định chỗ ở nên Nông trường có tạm giao cho hộ bà Nguyễn Thị S (bà S là mẹ của bà P) có các con đang làm công nhân tại Nông trường đúng như bà P trình bày.

[2.2] Năm 1997, Tổng công ty cao su Đồng Nai có văn bản số 55/1997 ngày 15/3/1997 yêu cầu các Nông trường thực hiện việc thu hồi các thửa đất, nhà ở tạm cấp cho các gia đình của công nhân trước đây hiện không còn làm việc cho công ty nữa, đồng thời thực hiện thu tiền cho thuê nhà đối với những công nhân đang được thuê nhà và đất. Do bà P nghỉ, không còn làm công nhân cho Nông trường từ năm 1989, ông Vũ Văn P2 thì mất vào năm 1985, hộ bà Nguyễn Thị S vào thời điểm này chỉ còn ông Vũ Văn C đang làm công nhân cho Nông trường nên ông C đứng tên thuê tài sản trên. Năm 1998 ông C nghỉ hưu, ông Vũ Minh P là con ông C đang làm công nhân cho Nông trường nên được tiếp tục đứng tên thuê và trả tiền thuê. Năm 2004, theo chính sách về hóa giá nhà đất, ông P đăng ký mua hóa giá và được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai phê duyệt theo Quyết định số 4886/QĐ-CT.UBND ngày 16/5/2006. Trong quá trình sử dụng, ông P có chuyển nhượng cho ông Nguyễn Quốc V diện tích đất 154m<sup>2</sup> thuộc thửa 227, tờ bản đồ 36 xã X nhưng không có ai tranh chấp về việc chuyển nhượng và bà Phúc cũng không có yêu cầu phân chia đối với diện tích đất này.

[2.3] Ngoài lời khai trình bày thì bà P không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh. Với nguồn gốc và quá trình quản lý sử dụng như nhận định nêu trên, không có cơ sở xác định tài sản bà P tranh chấp yêu cầu phân chia thừa kế là di sản do cha mẹ bà P để lại, cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện là có căn cứ nên không chấp nhận kháng cáo của bà P.

[3] Về chi phí tố tụng: do không chấp nhận yêu cầu khởi kiện, cấp sơ thẩm buộc bà P chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản với số tiền 3.500.000đ là đúng quy định.

[4] Về án phí: tại điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án quy định trường hợp Tòa án xác định di sản thừa kế mà đương sự yêu cầu chia không phải là tài sản của họ thì đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch. Theo đó, bà P chỉ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 300.000đ, cấp sơ thẩm tuyên buộc bà P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch với số tiền 2.871.600đ là không chính xác nên sửa bản án sơ thẩm về án phí. Do sửa bản án sơ thẩm nên bà P không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Vũ Minh P phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.



*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Vũ Thị P yêu cầu được chia di sản thừa kế; sửa một phần bản án sơ thẩm về án phí.

Áp dụng Điều 634 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

**1.** Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị P tranh chấp về thừa kế tài sản đối với ông Vũ Văn C và ông Vũ Minh P.

**2.** Về chi phí tố tụng: bà Vũ Thị P phải chịu tiền xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 3.500.000 đồng (Ba triệu năm trăm nghìn đồng). Bà P đã nộp đủ.

**3.** Về án phí: bà Vũ Thị P phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 3.750.000 đồng (Ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng). Bà Vũ Thị P không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả bà P tiền tạm ứng án phí sơ thẩm còn lại là 3.450.000 đồng (Ba triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 003354 ngày 06/01/2016 và tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001712 ngày 10/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

**4.** Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Viện kiểm sát ND tỉnh Đồng Nai;
- Tòa án nhân dân H. Cẩm Mỹ;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Trung Hưng**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
**Các Thẩm phán**                      **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**